

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-PT

Ngày: 24-9-2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Bà Trịnh Thị Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLPT-DS ngày 15/7/2022, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 32/TB-TA ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1950; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt.*

2. Ông Phạm Đình A, sinh năm: 1981; địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. (ông A là con trai của ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị L). *Vắng mặt.*

3. Ông Phạm Song H, sinh năm: 1985; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (ông H là con trai của ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị L). *Có mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Phạm Đình A, ông Phạm Song H: bà Nguyễn Thị L (vợ của ông Phạm Đình T, mẹ ruột ông Phạm Song H và ông Phạm Đình A). Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1951; Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Tiến S, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân phường K, thị xã K

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tri H; chức vụ: Chủ tịch UBND phường(vắng mặt); *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Hữu T; chức vụ: Công chức địa chính phường K. *Có mặt.*

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1946 (chồng bà H); Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L: Ông Nguyễn Tiến S, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt.*

3. Bà Nguyễn Thị Đ; Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt.*

4. Bà Hà Thị T; Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt.*

5. Bà Tô Thị N; Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt.*

6. Ông Phạm Huy T; Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường S, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt.*

7. Ông Phạm Quốc H; Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt.*

8. Ông Lê Xuân H; Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt.*

9. Ông Nguyễn Văn Hồng; Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường S, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt.*

10. Bà Nguyễn Thị H; Địa chỉ: TDP Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt.*

* **Người làm chứng:** Ông Nguyễn Ngọc Đ – Nguyên là Công chức địa chính UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt.*

* **Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bị đơn bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 02-01-2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L (vợ của ông Phạm Đình T và là người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Đình A, ông Phạm Song H) trình bày:

Gia đình bà có một thửa đất tại vùng Trọt Đ xã K, huyện K (nay là tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh). Nguồn gốc thửa đất do gia đình bà mua của ông Hồ Duy K, trú tại: Tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (ông K đã chết) vào năm 1993, có diện tích mặt tiền 15m x chiều sâu 30m = 450m² tọa lạc tại tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất có sơ đồ, vị trí: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn H dài 30m, phía Tây giáp đất chưa sử dụng nay là đất của bà Nguyễn Thị H 30m, phía Nam giáp chỉ giới 203 đường quốc lộ 1A dài 15m, phía Bắc giáp đường quy hoạch dài 15m. Khi mua đất gia đình bà đã được ông Nguyễn Ngọc Đ là cán bộ địa chính xã K giao đất thực địa vào ngày 10/11/1993. Đến năm 2001 bà được UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cấp Quyết định số 98/2001/QĐ/UB, ngày 10/02/2001 về việc cho phép tiếp tục sử dụng đất khu dân cư nông thôn nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 10/12/2010 bà Nguyễn Thị H chủ thửa đất liền kê thửa

đất gia đình bà đã đổ đất làm móng xây dựng nhà xưởng lấn sang phần đất của bà 186m². Ngày 13/9/2013 bà Nguyễn Thị H đã có đơn xin xây dựng và ngày 23/9/2013 đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy phép xây dựng và cho bà Nguyễn Thị H xây dựng nhà xưởng trên phần đất đang có tranh chấp. Gia đình bà đã nhiều lần khiếu nại và có ý kiến đến UBND phường K, thị xã K nhưng không được giải quyết.

Theo kết quả xem xét thẩm định của Tòa án phần diện tích của gia đình bà L bị bà Nguyễn Thị H lấn chiếm là $450\text{m}^2 - 308\text{m}^2 = 142\text{m}^2$.

Như vậy, thửa đất của gia đình bà là do mua lại của ông K vào năm 1993 và tại thời điểm đó bà H chưa được cấp thửa đất hiện nay. Nhưng đến năm 2001 khi cấp đất cho bà và bà H cơ quan có thẩm quyền không tiến hành bàn giao đất thực địa cho hộ bà H cũng như không thông báo cho gia đình chúng bà dẫn đến việc cấp đất cho bà H chồng lên phần đất của gia đình bà mua của ông K năm 1993.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh buộc bà Nguyễn Thị H tháo dỡ nhà xưởng trả lại cho gia đình bà 142m² đất đã lấn chiếm.

** Theo bản tự khai ngày 04-6-2018, bản kiến nghị về tranh chấp đất đai ngày 09-01-2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Năm 1993 gia đình bà Hoàn được cấp 01 thửa đất với chiều dài 18m và chiều rộng 30m, tổng diện tích 540m², sau khi được cấp đất gia đình sử dụng ổn định không có tranh chấp, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước. Đến năm 2002 gia đình bà được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 540m² có tứ cận như sau: Phía Nam giáp chỉ giới 203 đường quốc lộ 1A dài 18m, phía Bắc giáp đường quy hoạch dài 18m, phía Tây giáp đất ông Lê Xuân H dài 30m, phía Đông giáp đất ông Phạm Đình T dài 30m. Năm 2011 ông Phạm Đình T bắt đầu có tranh chấp, cho rằng gia đình lấn chiếm đất của ông T. Đến năm 2013 gia đình bà tiến hành xây dựng nhà xưởng trên thửa đất này.

Theo như kết quả xem xét thẩm định của Tòa án phần diện tích đất hiện nay của ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị L còn thiếu là 142m², ông Phạm Đình T yêu cầu gia đình bà Hoàn tháo dỡ nhà xưởng để trả lại cho ông T 142m² đất, bà Nguyễn Thị H không đồng ý vì: Đất của bà được Nhà nước cấp hợp pháp, phần diện tích đất gia đình bà đang sử dụng có chiều dài, chiều rộng và diện tích đúng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Quá trình xây dựng nhà xưởng trên đất đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy phép xây dựng hợp lệ. Vì vậy, việc nguyên đơn bà ông Phạm Đình T (đã chết), nay là vợ ông Phạm Đình T là bà Nguyễn Thị L và các con khởi kiện yêu cầu gia đình bà tháo dỡ nhà xưởng, trả lại phần đất lấn chiếm là 142m² là không có căn cứ, nên bà yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và các con.

** Đại diện Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND phường K trình bày:*

Gia đình ông Phạm Đình T và gia đình bà Nguyễn Thị H đều được Ủy ban nhân dân huyện K cấp quyết định về việc cho phép tiếp tục sử dụng đất khu dân cư nông thôn; Cụ thể: theo Quyết định số 97/2001/QĐ/UB, ngày 10/02/2001 giao cho bà Nguyễn Thị H diện tích 540 mét vuông (đất ở 200 mét vuông, đất

vườn 340 mét vuông); Quyết định 98/2001/QĐ/UB, ngày 10/02/2001 giao cho ông Phạm Đình T 450 mét vuông (đất ở 200 mét vuông, đất vườn 250 mét vuông) đều ở Vùng Trọt Đĩa, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh). Năm 2002 bà H được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 540m² có tứ cận như sau: Phía Nam giáp chỉ giới 203 đường quốc lộ 1A dài 18m, phía Bắc giáp đường quy hoạch dài 18m, phía Tây giáp đất ông Lê Xuân H dài 30m, Phía Đông giáp đất ông Phạm Đình T dài 30m, còn ông Phạm Đình T đến nay vẫn chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ, năm 2013 UBND huyện K cấp giấy phép xây dựng tạm cho bà H trên thửa đất của bà H được cấp, khi tiến hành xây dựng nhà xưởng bà Nguyễn Thị H không báo với chính quyền địa phương để đo đạc, cắm mốc trước khi xây dựng. Trước đó vào năm 2011 ông T cho rằng bà H đã đổ móng xây dựng nhà xưởng lấn chiếm đất của ông T, UBND phường đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Quá trình Tòa án giải quyết vụ việc đã cùng với cơ quan quản lý đất đai và chính quyền địa phương đo đạc, kiểm tra lại diện tích của tất cả các hộ trong khu vực nhưng không có hộ nào có diện tích đất thừa ra so với giấy chứng nhận QSDĐ đã được cấp. Thực tế thấy, phần nhà xưởng của bà Nguyễn Thị H đã xây lấn sang phần đất ông Phạm Đình T 54,8m², ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị L cho rằng bà H đã lấn chiếm 142 mét vuông, nay vẫn còn thiếu 87,2m² không có đất trên thực tế, việc thiếu đất so với thực tế là do trước đây thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ khi kiểm tra đo đạc thiếu chính xác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L (chồng bà H) trình bày: Ông hoàn toàn nhất trí với ý kiến của vợ (bà Nguyễn Thị H) về việc gia đình ông Phạm Đình T yêu cầu gia đình ông di dời nhà xưởng trả lại phần đất lấn chiếm là 142m² thì gia đình ông không đồng ý. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện vô lý của gia đình ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H (người có thửa đất liền kề đất gia đình ông Phạm Đình T) trình bày: Gia đình ông và gia đình ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị L từ trước đến nay hai bên không có tranh chấp gì với nhau về việc sử dụng đất của hai bên và có ranh giới rõ ràng, nên không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân H (người có thửa đất liền kề đất bà Phạm Thị H) trình bày: Gia đình ông được cấp giấy chứng nhận QSDĐ có giáp ranh liền kề với đất bà Nguyễn Thị H, trong hồ sơ cấp đất ranh giới liền kề giữa hai gia đình không có con đường hay khoảng trống, hiện tại thấy giữa đất của gia đình ông H và tường nhà xưởng của bà H có khoảng cách nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, còn từ trước đến nay ông và bà H hai bên không có tranh chấp gì với nhau về việc sử dụng đất, nên ông không có yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 21-4-2022 của Tòa án nhân dân thị xã K quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 155, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 266, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163, 164, 166 của Bộ luật Dân

sự; Điều 12, Điều 100, Khoản 5, 7 Điều 166, Điều 170, Điều 203 của Luật Đất đai;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H tháo dỡ phần nhà xưởng xây lấn chiếm trên phần đất của Nguyên đơn, trả lại phần đất 54,8m² (Có sơ đồ cụ thể kèm theo) cho Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Bản án còn tuyên về án phí, lệ phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/5/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung:

- Tuyên buộc bà Nguyễn Thị H và UBND phường K trả cho gia đình phần đất còn thiếu là 87,2m².

- Tuyên hủy Giấy CNQSD đất vào sổ số 1262/QSD/2022 ngày 06/9/2022 của UBND huyện K cấp cho bà Nguyễn Thị H không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 05/5/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung:

- Xác nhận thửa đất của bà Nguyễn Thị H được cấp theo quyết định số 97/QĐUBND ngày 10/02/2001 và Giấy CNQSD đất số 1262/QĐDD/2002 năm 2002 của UBND huyện K với chiều rộng hai đầu là 18m, chiều dọc hai bên là 30m có diện tích 540m² đúng thực tế không dư.

- Công nhận các văn bản đo thửa đất của bà Hoàn do UBND xã K, Phòng tài nguyên môi trường huyện K đo lại khi ông Phạm Đình T yêu cầu và thực tế thửa đất của bà H đúng 540m² không lấn sang đất của hộ liền kề.

- Đề nghị hủy Quyết định cấp đất của ông Phạm Đình T số 98/QĐUB ngày 10/02/2001. Vì ông Phạm Đình T không thuộc đối tượng cấp đất vào thời điểm đó mà ông T mua lại thửa đất của ông Hồ Duy K vào thời điểm nào không rõ.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm và cho rằng việc thụ lý vụ án, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập, đánh giá tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ, quá trình xem xét thẩm định tại chỗ không được lập thành Biên bản, không đưa UBND thị xã K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án chưa xem xét đầy đủ, toàn diện yêu cầu của đương sự dẫn đến việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn là chưa đảm bảo căn cứ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương

sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã K, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

1.1. Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu bị đơn trả lại phần diện tích đất lấn chiếm của nguyên đơn, nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp quyền sử dụng đất” và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2018 thể hiện người khởi kiện là ông Phạm Đình T, sinh năm 1953, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950, địa chỉ: TDP Đ, phường K, thị xã K nhưng phần cuối đơn khởi kiện chỉ có ông Phạm Đình T ký vào đơn, còn bà Nguyễn Thị L không ký đơn khởi kiện. Đến ngày 04/12/2018 bà Nguyễn Thị L mới có văn bản ủy quyền cho ông Phạm Đình T đại diện cho bà L tham gia quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tuy nhiên, tại Thông báo thụ lý vụ án số 01/2018/TB-TLVA ngày 11/01/2018 Tòa án nhân dân thị xã K lại xác định nguyên đơn là ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị L. Việc bà Nguyễn Thị L không ký đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2018 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xác định bà L là nguyên đơn trong vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng.

Căn cứ các chứng cứ tài liệu thể hiện gia đình ông Phạm Đình T và gia đình bà Nguyễn Thị H đều được Ủy ban nhân dân huyện K cấp quyết định về việc cho phép tiếp tục sử dụng đất khu dân cư nông thôn; Cụ thể: theo Quyết định số 97/2001/QĐ/UB, ngày 10/02/2001 giao cho bà Nguyễn Thị H diện tích 540m² (đất ở 200m², đất vườn 340m²); Quyết định 98/2001/QĐ/UB, ngày 10/02/2001 giao cho ông Phạm Đình T 450m² (đất ở 200m², đất vườn 250m²) đều ở Vùng T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh). Năm 2002 bà H được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 540m² có tứ cận như sau: Phía Nam giáp chỉ giới 203 đường quốc lộ 1A dài 18m, phía Bắc giáp đường quy hoạch dài 18m, phía Tây giáp đất ông Lê Xuân H dài 30m, Phía Đông giáp đất ông Phạm Đình T dài 30m, còn ông Phạm Đình T đến nay vẫn chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ, năm 2013 UBND huyện K cấp giấy phép xây dựng tạm cho bà H trên thửa đất của bà H được cấp.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Đình T cho rằng UBND huyện K đã cấp đất cho bị đơn bà Nguyễn Thị H chồng lên trên phần đất đã giao cho nguyên đơn trước đó và ngày 02 tháng 7 năm 2018 nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất cấp cho bà Nguyễn Thị H vào ngày 06/9/2002; mặt khác Quyết định của Bản án sơ thẩm buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H tháo dỡ phần nhà xưởng xây lấn chiếm trên phần đất của nguyên đơn, trả lại

phần đất 54,8m² cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, đồng thời án sơ thẩm cũng xác định trên thực tế đất của nguyên đơn còn thiếu 87,2m². Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không đưa UBND thị xã K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để làm rõ về hồ sơ pháp lý liên quan đến việc giao đất cho gia đình nguyên đơn, bị đơn và nguyên nhân dẫn đến đất nguyên đơn bị thiếu là bỏ sót người tham gia tố tụng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngày 21/6/2021 ông Phạm Đình T chết, ông T có vợ là bà Nguyễn Thị L và 02 con là Phạm Đình A và Phạm Song H, căn cứ Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà L, anh A và anh H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn. Tuy nhiên cấp sơ thẩm xác định anh A, anh H với tư cách là nguyên đơn trong vụ án là trái với quy định của pháp luật.

1.3. Về việc xem xét thẩm định tại chỗ:

Căn cứ các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ thể hiện: Năm 2018 Tòa án nhân dân thị xã K tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, nhưng hiện nay tài liệu liên quan đến việc xem xét thẩm định tại chỗ vào năm 2018 không có trong hồ sơ vụ án; ngày 15/01/2021, Tòa án nhân dân thị xã K tổ chức xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản tranh chấp nhưng quá trình xem xét thẩm định tại chỗ không được lập Biên bản; ngày 06/5/2021 Tòa án nhân dân thị xã K phối hợp cùng Văn phòng đăng ký đất đai Hà Tĩnh, Chi nhánh K lập Sơ đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp nhưng sơ đồ này không thể hiện cụ thể phần diện tích đất trồng 54,8m² nằm giữa thửa đất của bà Nguyễn Thị H với thửa đất hộ liền kề Lê Xuân H như bản án sơ thẩm nhận định. Mặt khác, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào sơ đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp để xác định diện tích, ranh giới đất giữa nguyên đơn, bị đơn và các hộ liền kề mà không sử dụng kết quả xem xét thẩm định tại chỗ để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

1.4. Cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 02 tháng 7 năm 2018 nguyên đơn khởi kiện bổ sung với nội dung yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất cấp cho bà Nguyễn Thị H vào ngày 06/9/2002. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá đến nội dung yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là chưa giải quyết đầy đủ, triệt để các yêu cầu của đương sự trong vụ án.

2. Thiếu sót trong phần quyết định của bản án sơ thẩm:

Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên xử: *1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H tháo dỡ phần nhà xưởng xây lấn chiếm trên phần đất của nguyên đơn, trả lại phần đất 54,8m² (Có sơ đồ cụ thể kèm theo) cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.*

Xét thấy, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không xác định vị trí, ranh giới cụ thể phần đất mà bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Hơn nữa, hồ sơ vụ án cũng không có sơ đồ kèm theo bản án. Do đó, trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật thì không có căn cứ để thi hành bản án.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm còn một số thiếu sót như chưa tiến hành thu thập, đánh giá chứng cứ một cách đầy đủ nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; xác định

sai tư cách và bỏ sót người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên không đầy đủ gây khó khăn cho việc thi hành bản án. Như vậy, cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ theo quy định tại chương VII Bộ luật tố tụng dân sự và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ lại cho cấp sơ thẩm giải quyết lại như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy bản án sơ thẩm số 01/2022/DSST ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã K giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, VKS, THA sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Quang